

Bản án số: 274/2024/DS-PT

Ngày 24 - 12 - 2024

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế,
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Vỹ

Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17, 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2024/TLPT-DS ngày 03/10/2024 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 310/2024/QĐ-PT ngày 29/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2024/QĐ-PT ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Đường C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1987; địa chỉ: A tầng C, N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1968 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số F, thôn G, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Thanh M, sinh năm 1970 (vắng mặt) và ông Lê Chí C, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Địa chỉ: số A N, tổ F, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, ông C: Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: số G, thôn G, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1974; địa chỉ: đường C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn Minh D, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: 4 đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh .

4. Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: 4 đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Văn Minh H1, sinh năm 1983 (vắng mặt) và ông Nguyễn Văn Minh T2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: 4 đường X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông T2: Ông Lê Xuyên H2, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Đường C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Bà Lê Thị Thu T3, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: đường C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Bà Lê Thị Thu T4, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: A đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường C, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

8. Bà Lê Thị Hoài N, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: đường số A, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

9. Bà Lê Thị Xuân H3, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số G, thôn G, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn B – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

Người kháng cáo:

1. Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1974; là nguyên đơn trong vụ án;
2. Ông Lê Văn P, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1975; là bị đơn trong vụ án;
3. Bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C, bà Lê Thị Xuân H3; là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Lê Thị Xuân L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha bà L là cụ Lê Văn S, sinh năm 1936, chết năm 2004; mẹ bà L là cụ Nguyễn Thị T5, sinh năm 1937, chết năm 1981.

Hai cụ có 09 người con chung gồm:

1. Ông Lê Văn C1, sinh năm 1958, chết năm 2001. Ông C1 có vợ là bà Võ Thị Thanh M, sinh năm 1970 và 01 con chung ông Lê Chí C, sinh năm 2000;
2. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1961;
3. Bà Lê Thị Kim H4, sinh năm 1962, chết năm 2000. Bà H4 có chồng là ông Nguyễn Văn Minh D, sinh năm 1962 và 03 con chung là bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1982, ông Nguyễn Văn Minh H1, sinh năm 1983, ông Nguyễn Văn Minh T2, sinh 1996;
4. Bà Lê Thị Thu T3, sinh năm 1964;
5. Ông Lê Văn P, sinh năm 1968;
6. Bà Lê Thị Thu T4, sinh năm 1970;
7. Bà Lê Thị Hoài N, sinh năm 1972;
8. Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1974;
9. Bà Lê Thị Xuân H3, sinh năm 1980.

Tài sản 02 cụ để lại gồm: Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 510m² thuộc thửa số 404 và 405, tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Trong đó, thửa 404 vào năm 2015, ông P đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận cho ông Lê văn P diện tích 235m², còn thửa 405 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất: Năm 1972, 02 cụ từ Quảng Trị vào xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu lập nghiệp thì đã được chế độ cũ cấp và khai phá thêm. Hai cụ làm nhà và sinh sống tới khi chết. Trên phần đất có 02 căn nhà cấp 4 đã được 02

cụ xây dựng để ở. Hai cụ S và cụ T5 chết không để lại di chúc. Di sản để lại chưa chia thừa kế.

Năm 2015, ông Lê Văn P đã tự ý đi kê khai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 404. Việc ông P tự ý kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa có sự đồng ý của các đồng thừa kế khác là chưa đúng quy định pháp luật.

Do vậy, bà Lê Thị Xuân L yêu cầu Tòa án giải quyết: 1/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn P; 2/ Công nhận tổng diện tích đất khoảng 510m² gồm thửa 404 và thửa 405 xã S, huyện C là di sản của cụ Nguyễn Thị T5 và cụ Lê Văn S. Đồng thời, chia đều cho 09 người con của 02 cụ, mỗi mười 01 kỷ phần bằng nhau.

Ngày 30/01/2019, bà L có sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, theo đó: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn P diện tích 235m² thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ 43, tại xã S, huyện C; công nhận diện tích 510m² thuộc thửa đất số 404, 405 là tài sản chung thuộc quyền sử dụng của ông S và bà T5; Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 510m² gồm thửa đất 404 và thửa đất 405, tại xã S, huyện C cho 09 người con của ông S, bà T5, mỗi người hưởng một phần di sản bằng nhau. Bà L xin nhận quyền sử dụng đất số 405, và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ngày 24/02/2023, bà L tiếp tục bổ sung đơn khởi kiện với nội dung: Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 235m² thuộc thửa số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P, công chứng số 1660, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2021 tại Văn phòng C2; Ông P phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện C – Phòng G.

Đến ngày 28/6/2023, bà L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện ngày 24/02/2023 vì ông P đã thanh toán khoản vay tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện C – Phòng G.

Ngày 29/11/2023, các ông bà: Võ Thị Thanh M, Lê Chí C, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu T4, Nguyễn Văn Minh H1, Nguyễn Văn Minh T2 và Lê Thị Xuân L có văn bản thỏa thuận về việc phân chia thừa kế như sau: Bà Nguyễn Xuân L2 đại diện đứng tên nhận di sản thừa kế và sau đó, bà L2 có nghĩa vụ chuyển nhượng diện tích được cấp và chia đều cho các đồng thừa kế khác.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày:

Ông P và bà L1 là vợ chồng hợp pháp. Cha của ông P là cụ Lê Văn S sinh năm 1936. Năm 2000, ông S có mời ông Tạ Ngọc N1 là cán bộ địa chính xã S xuống để đo đạc và tách thửa đối với thửa đất số 404, tờ 43, tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vào ngày 31/4/2004, Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đến gặp cha của ông P để kê khai đất, vì cha ông P đã cho ông P rồi nên ông S để toàn quyền cho ông P kê

khai thừa đất nói trên theo biên bản kiểm kê số 119/BBKK ngày 30/01/2004; thành phần tham gia kiểm kê gồm có: Ban BTTH và GPMB huyện và các bên có liên quan. Đến ngày 15/5/2004 ông P được UBND tỉnh B quyết định phê duyệt kinh phí đền bù. Đến ngày 15/10/2004 cha của ông P là ông S đột ngột qua đời. Vợ chồng ông P đã sống ổn định trên mảnh đất đó cho đến nay. Ông P cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P ngày 05/11/2015 đối với thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, diện tích 167m² (trong đó có 40m² đất thổ cư, 127m² đất trồng cây hàng năm khác) là hợp pháp. Như vậy, qua ý kiến của nguyên đơn ông P không đồng ý chia di sản thừa kế thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43; còn đối với thửa đất 405 thì ông P không có ý kiến gì.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà H là con chung của cụ S và cụ T5. Bà đồng ý với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về cha, mẹ và các anh chị em; bà đồng ý về nguồn gốc di sản của cha mẹ bà để lại.

Bà H có quan điểm như sau: Bà đồng ý với ý kiến khởi kiện của nguyên đơn. Theo đó, đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn P. Công nhận tổng diện tích đất khoảng 510m² gồm thửa 404 và thửa 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C thuộc quyền sử dụng của cha mẹ bà H là bà Nguyễn Thị T5 và ông Lê Văn S, Đồng thời, chia đều cho 09 người con của 02 cụ, mỗi người 01 kỹ phần bằng nhau.

- Bà Lê Thị Thu T3 trình bày:

Bà là con chung của cụ S và cụ T5. Bà đồng ý với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về cha, mẹ và các anh chị em; bà đồng ý về nguồn gốc di sản của cha mẹ bà để lại.

Về chia di sản thừa kế bà có ý kiến như sau:

Đối với thửa 404: Cha bà đã cho ông P nên đây là tài sản của ông P nên bà không đồng ý chia thừa kế.

Đối với thửa 405: Bà đề nghị Tòa án công nhận đây là di sản thừa kế của cha mẹ bà, đồng thời chia đều cho 09 người con theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị được đồng sở hữu thửa đất 405. Vì đây là di sản của cha mẹ để lại mục đích làm nơi thờ tự bố mẹ bà nên bà muốn các anh chị em để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Thu T3 đồng ý nhường phần di sản của mình được hưởng chuyển qua cho bà Lê Thị Xuân H3.

- Bà Lê Thị Xuân H3, bà Lê Thị Hoài N trình bày:

Bà là con chung của cụ S và cụ T5. Bà đồng ý với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về cha, mẹ và các anh chị em; bà đồng ý về nguồn gốc di sản của cha mẹ bà để lại.

Bà H3, bà N đồng ý chia thừa kế như sau:

Đối với thửa đất số 404: Do cha bà đã cho ông P, quyền sử dụng đất đã cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Văn P. Do vậy, các bà không đồng ý chia thửa đất 404; không yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông P.

Đối với phần diện tích còn lại thuộc thửa đất số 405: Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H3, bà N đề nghị Tòa án công nhận đây là di sản thừa kế của cha mẹ bà H3, bà N đồng thời chia đều cho 09 người con, trong đó, các bà được hưởng mỗi người 01 phần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Hoài N đồng ý nhường phần di sản của mình được hưởng chuyển qua cho bà Lê Thị Xuân H3.

- Bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M và ông Lê Chí C trình bày:

Quan điểm của bà T4, bà M, ông C đồng ý với nguyên đơn. Theo đó: yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn P. Công nhận tổng diện tích đất khoảng 510m² gồm thửa 404 và thửa 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T5 và ông Lê Văn S, đồng thời chia đều cho 09 người con.

- Ông Nguyễn Văn Minh H1, ông Nguyễn Văn Minh T2 trình bày:

Quan điểm của ông H1 và ông T2, đồng ý kiến với ý kiến của nguyên đơn là bà L2. Theo đó: yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn P. Công nhận tổng diện tích đất khoảng 510m² gồm thửa 404 và thửa 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T5 và ông Lê Văn S, đồng thời chia đều cho 09 người con.

- Ông Nguyễn Văn Minh D trình bày:

Ông D và bà Lê Thị Kim H4 là vợ chồng có 03 người con chung gồm: Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1982, Nguyễn Văn Minh H1, sinh năm 1983, Nguyễn Văn Minh T2, sinh năm 1996. Năm 2000 bà H4 mất do tai nạn giao thông. Ông D có ý kiến về vụ án như sau: Ông D không nhận phần thừa kế này và đồng ý để lại cho ông H1 và ông T2. Đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Ông D xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án và không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

- Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện C nhận được thông báo thụ lý vụ án số 12/2019/TL-DS ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Việc này, Ủy ban nhân dân có ý kiến như sau: phần diện tích liên quan đến nội dung khởi kiện của bà Lê Thị Xuân L thuộc các thửa 404, 405, tờ bản đồ địa chính số 43, tại xã S, huyện C. Trong đó thửa 404 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 977080 ngày 05/11/2015 cho ông Lê Văn P với diện tích 167m², mục đích sử dụng đất ở là 40m², đất trồng cây hàng năm khác là 127m². Trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho ông P, Ủy ban nhân dân huyện C chưa nhận được đơn thư tranh chấp hay khiếu nại nào liên quan đến quyền sử dụng đất này.

Đối với thửa 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, hiện chưa thể hiện thông tin người sử dụng đất trong hồ sơ địa chính đang lưu giữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xem xét, giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng đất hợp pháp; Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện nội dung các phần việc mà bản án hoặc quyết định của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 235m² thuộc thửa số 404 tờ bản đồ số 43 xã S, huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Xuân L về việc tranh chấp di sản thừa kế đối với ông Lê Văn P, Nguyễn Thị Kim L1.

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn S và Nguyễn Thị T5 hiện nay gồm: Ông Lê Văn P, bà Lê Thị Xuân L, bà Lê Thị Thu H; bà Lê Thị Thu T3, bà Lê Thị Thu T4, bà Lê Thị Hoài N, bà Lê Thị Xuân H3; Người thừa kế của ông C1: Bà Võ Thị Thanh M và ông Lê Chí C; người thừa kế của bà H4: Bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và ông Nguyễn Văn Minh T2.

2.2. Di sản chung của cụ Lê Văn S và Nguyễn Thị T5 gồm: Quyền sử dụng diện tích 439m² thuộc thửa 404, 405 tờ bản đồ số 43 xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu phân chia di sản nào khác.

2.3. Di sản của cụ Lê Văn S và Nguyễn Thị T5 được phân chia như sau:

2.3.1. Ông Lê Văn P được quyền sử dụng đất diện tích 167m² thửa 404 xã S, huyện C và tài sản trên đất.

2.3.2. Các ông bà Lê Thị Xuân L, Lê Thị Thu H; Lê Thị Thu T3, Lê Thị Thu T4, Lê Thị Hoài N, Lê Thị Xuân H3, bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1, ông Nguyễn Văn Minh T2, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C đồng sử dụng diện tích 272m² thuộc thửa 405 xã S, huyện C và tài sản trên đất.

2.3.3. Buộc ông Lê Văn P phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân L, Lê Thị Thu H; Lê Thị Thu T3, Lê Thị Thu T4, Lê Thị Hoài N, Lê Thị Xuân H3, mỗi người: 82.500.000đ (T6 mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng); Buộc giao cho ông Lê Chí C và bà Võ Thị Thanh M số tiền 82.500.000đ (T6 mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng); buộc giao cho bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và ông Nguyễn Văn Minh T2 số tiền 82.500.000đ (T6 mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

(Kích thước, vị trí tứ cận và diện tích các thửa đất trên được xác định theo sơ đồ vị trí khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 28/12/2023, kèm theo bản án).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục chỉnh lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 977080 do UBND huyện C cấp ngày 05/11/2015 cho ông Lê Văn P với diện tích 167m² thửa 405 tờ 43 xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung kháng cáo:

5.1. Nguyên đơn - bà Lê Thị Xuân L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C nộp đơn kháng cáo có nội dung:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể:

+ Bác việc ông Lê Văn P được hưởng công quản lý di sản 10% là 641.800.000đ, mà ông P chỉ được hưởng phần thừa kế như các đồng thừa kế khác.

+ Tuyên bà Lê Thị Xuân L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T3, bà Lê Thị Thu T4, bà Lê Thị Hoài N, bà Lê Thị Xuân H3, bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1, ông Nguyễn Văn Minh T2, bà Võ Thị Thanh M và ông Lê Chí C được đồng sử dụng thửa đất số 405, tờ bản đồ 43, tại xã S với đề xuất: Ngoài 5 kỹ phần thừa kế những người trên được hưởng thì họ sẽ thối lại cho 4 người thừa kế gồm ông P và các bà T3, N, H3 số tiền dư ra sau khi lấy giá trị thửa đất 405 trừ cho tổng giá trị của 5 kỹ phần. Ông P, bà T3, bà N và H3 đồng sử dụng thửa 404, tờ bản đồ 43, tại xã S.

+ Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 977080 do UBND huyện C cấp ngày 05/11/2015 cho ông Lê Văn P với diện tích 167m² thuộc thửa số 404, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại xã S, huyện C.

+ Xác định lại giá trị di sản để làm cơ sở giải quyết vụ án.

5.2. Bị đơn - ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 nộp đơn kháng cáo có nội dung:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: đối với thửa đất 404, tờ bản đồ 43, diện tích 176m², tọa lạc tại xã S đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P, không phải là di sản thừa kế. Đối với thửa đất 405, tờ bản đồ 43, diện tích 272m², tọa lạc tại xã S, đề nghị Tòa án công nhận là di sản cha mẹ để lại, dùng vào việc thờ cúng, không đồng ý chia.

5.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Xuân H3 nộp đơn kháng cáo có nội dung:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Bà H3 yêu cầu phân chia lại di sản thừa kế, xem xét đến công lao quản lý di sản, công lao phụng dưỡng và chăm sóc cha mẹ để xem xét cho bà H3 được hưởng nhiều hơn một suất thừa kế mà bản án sơ thẩm đã phân chia.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

7. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 và chấp nhận một phần kháng cáo của các ông (bà): Lê Thị Xuân L và bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C, bà Lê Thị Xuân H3.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Xuân L về việc tranh chấp di sản thừa kế, cụ thể:

+ Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị T5 chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 167m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C có giá trị 1.930.000.000 đồng và Quyền sử dụng đất có diện tích 272m² thuộc thửa đất 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C, cùng tài sản gắn liền với thửa đất có tổng giá trị là: 2.994.155.000 đồng.

+ Phân chia di sản thừa kế theo hướng:

- Giao cho bà Lê Thị Xuân L được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng có diện tích 272m², thuộc thửa đất 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C và tài sản gắn liền với thửa đất bao gồm 01 căn nhà 01 tầng, loại 3 và 01 mái che tôn; buộc bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán giá trị di sản được hưởng cho các thừa kế.

- Giao cho ông Lê Văn P được quyền quản lý, sử dụng định đoạt quyền sử dụng có diện tích 167m², thuộc thửa đất 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C và buộc ông Lê Văn P phải thanh toán giá trị di sản được hưởng cho các thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người kháng cáo đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ; các đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng, một số đương sự vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đây là phiên tòa lần thứ hai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Xuân L, ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C và bà Lê Thị Xuân H3 thì thấy:

[2.1] Xác định hàng thừa kế của cụ S, cụ T5:

Cụ Lê Văn S, sinh năm 1936 và cụ Nguyễn Thị T5, sinh năm 1937 là vợ chồng. Cụ T5 chết năm 1981 và cụ S chết năm 2004; có 09 người con chung gồm các ông bà: Lê Văn C1, Lê Thị Thu H, Lê Thị Kim H4, Lê Thị Thu T3, Lê Văn P, Lê Thị Thu T4, Lê Thị Hoài N, Lê Thị Xuân L và Lê Thị Xuân H3.

Ông Lê Văn C1 chết năm 2001, có vợ là bà Võ Thị Thanh M và 01 con là ông Lê Chí C. Bà Lê Thị Kim H4 chết năm 2000, có chồng là ông Nguyễn Văn Minh D và 03 con là bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và ông Nguyễn Văn Minh T2.

Đôi chiếu quy định tại Điều 651, 652 Bộ luật dân sự 2015, theo đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ T5 bao gồm 09 người con gồm các ông (bà): Lê Văn C1, Lê Thị Thu H, Lê Thị Kim H4, Lê Thị Thu T3, Lê Văn P, Lê Thị Thu T4, Lê Thị Hoài N, Lê Thị Xuân L và Lê Thị Xuân H3. Do ông C1 chết nên phần di sản thừa kế mà ông C1 được hưởng sẽ chia cho thừa kế của ông C1 gồm: bà M, ông C; bà H4 đã chết nên phần di sản của bà H4 được hưởng sẽ được chia cho thừa kế của bà H4 gồm: ông D, bà T1, ông H1, ông T2; vì ông D cho lại các con nên kỹ phần thừa kế của bà H4 sẽ được chia cho 03 người con.

[2.2] Xác định di sản thừa kế của cụ S, cụ T5 chết để lại:

[2.2.1] Theo các đương sự thừa nhận thì cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị T5 tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 404 và 405, tờ bản đồ 43, tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo kết quả đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác nhận ngày 28/12/2023, thì diện tích đất thực tế còn lại là 439m², trong đó: thửa đất số 404

có diện tích 167m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P; thửa đất số 405 có diện tích 272m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2.2] Đối với thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C:

Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản số 2077/UBND-TNMT ngày 26/7/2022 cung cấp thông tin cho Tòa án, trong đó có nội dung “...*thửa đất số 405 tờ bản đồ số 43, tại xã S hiện nay chưa thể hiện thông tin người sử dụng đất trong hồ sơ địa chính đang lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xem xét, giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng đất hợp pháp; Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện nội dung các phần việc mà bản án hoặc quyết định của cơ quan Tòa án theo đúng quy định của pháp luật...*”. Quyền sử dụng thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C được gia đình cụ S sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm: Các thừa kế của cụ S, cụ T5 cùng xác nhận thửa đất số 405, diện tích 272m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do cụ S, cụ T5 chết để lại. Vì thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó cần xác định giá trị quyền sử dụng đất theo loại đất nông nghiệp; Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị đất theo loại đất ở là không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L về việc xác định giá trị của thửa đất, cụ thể xác định diện tích 272m² thuộc thửa đất số 405 có giá trị (272m² x 10.000.000 đồng/m²) = 2.720.000.000 đồng là di sản của cụ S và cụ T5 để lại.

Về tài sản gắn liền với thửa đất 405 gồm có: 01 căn nhà 01 tầng, loại 3 giá trị là 267.372.000 đồng và 01 mái che tôn giá trị 6.783.000 đồng. Theo xác nhận của các đương sự thì tài sản này do cụ S xây dựng; khi cụ S chết thì bà Lê Thị Xuân H3 tiếp tục sử dụng. Bà H3 cho rằng: trong quá trình ở có sửa chữa nhỏ; tuy nhiên, bà H3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về giá trị sửa chữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tài sản gắn liền với thửa đất 405 có tổng giá trị 274.155.000 đồng là di sản của cụ S, cụ T5 để lại.

Tòa án cấp sơ thẩm không phân chia giá trị tài sản gắn liền với thửa đất 405 cho các thừa kế của cụ S, cụ T5 là không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, tổng giá trị di sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43 và tài sản gắn liền với đất là: 2.720.000.000 đồng + 274.155.000 đồng = 2.994.155.000 đồng.

[2.2.3] Đối với thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C:

Bị đơn – ông P, bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà T3, bà N, bà H3 cho rằng: Thửa đất số 404 đã được cụ S và cụ T5 cho ông P từ năm 2000. Từ đó đến nay, ông P sử dụng liên tục, ổn định, lâu dài và ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông S đã tặng cho ông P nên đó là tài sản riêng của ông P, không phải là di sản thừa kế nên không đồng ý phân chia. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hồ sơ địa chính thể hiện ông Lê Văn P là người kê khai thửa đất số 404 tại sổ mục kê. Ngày 17/6/2015, ông P có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện đất có nguồn gốc: “*Hộ ông Lê Văn S khai phá năm 1972 trực tiếp canh tác và làm nhà ở từ năm 1972, đến năm 2000 cho lại con ruột là ông Lê Văn P, hộ ông P trực tiếp canh tác và làm nhà ở ổn định từ năm 2000 đến nay*”. Ngày 05/11/2015, ông P đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 167m², thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông S tặng cho ông P thửa đất 404. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh ông P được cụ S tặng cho đất. Mặt khác, theo xác nhận của các đương sự thì quyền sử dụng đất của thửa 404 là tài sản chung của cụ S và cụ T5 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Việc cụ S định đoạt tài sản chung khi cụ T5 đã chết, mà không có ý kiến của những người con là không phù hợp và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con cụ T5. Đồng thời, quá trình ông P kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và nhận tiền đền bù khi giải phóng mặt bằng thì ông P đại diện cho hộ gia đình cụ S, không phải kê khai riêng cho ông P. Vì vậy, ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 và bà T3, bà N, bà H3 cho rằng: Thửa đất 404, tờ bản đồ số 43 không phải là di sản thừa kế của cụ S, cụ T5 là không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất 167m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C có giá trị 1.930.000.000 đồng là di sản thừa kế của cụ S và cụ T5 để lại là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, bà L1 về việc: xác định thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C có diện tích đất 167m² là của ông P.

Về tài sản gắn liền với thửa đất 404 gồm có: 01 căn nhà 01 tầng loại 3 giá trị là 140.370.000 đồng; 01 nhà kho loại 3 giá trị là 156.998.400 đồng; nhà kho nằm ngoài giấy chứng nhận có giá trị 102.652.800 đồng; tổng giá trị tài sản gắn liền với thửa đất số 404 là: 400.021.500 đồng. Theo xác nhận của các đương sự, thì những tài sản trên do ông P, bà L1 tạo lập từ năm 2000. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định: Tài sản gắn liền với thửa đất 404 không phải là di sản thừa kế của cụ S, cụ T5 để lại.

[2.3] Phân chia di sản thừa kế:

[2.3.1] Cụ S, cụ T5 chết không để lại di chúc, nên di sản thừa kế của cụ S và cụ T5 được phân chia theo pháp luật (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự 2015).

[2.3.2] Phân chia di sản thừa kế là thửa đất 404, tờ bản đồ số 43: Ông Lê Văn P là người đại diện các anh chị em đi kê khai quyền sử dụng đất, quản lý, tôn tạo, thờ cúng cha mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho ông P được hưởng công sức tương đương 10% tổng giá trị di sản của thửa đất 404, tờ bản đồ số 43. Cụ thể: Ông P được hưởng công sức đối với di sản này là: 10% x

1.930.000.000 đồng = 193.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo đối với nội dung này của bà Lê Thị Xuân L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C.

Phần tài sản còn lại được chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau; cụ thể: (1.930.000.000 đồng – 193.000.000 đồng) : 9 phần = 193.000.000 đồng.

Căn cứ vào nhu cầu, thực tế sử dụng đất thì có căn cứ xác định ông P đã sinh sống ổn định, lâu dài trên thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, diện tích 167m² và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông P, bà L1 nên Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho ông P quyền sử dụng thửa đất nêu trên và buộc ông P phải thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế còn lại là có cơ sở, cụ thể:

+ Phải thanh toán cho thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C) số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và Nguyễn Văn Minh T2; ông Nguyễn Văn Minh D); tuy nhiên, ông D chồng bà Hòa đồng Ý giao lại cho các con; nên ông P có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và Nguyễn Văn Minh T2 tổng số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu H số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu T3 số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu T4 số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Hoài N số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân L số tiền 193.000.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H3 số tiền 193.000.000 đồng.

[2.3.3] Phân chia di sản thừa kế là thửa đất 405, tờ bản đồ số 43 và tài sản gắn liền với đất như sau:

Mặc dù, bà H3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc sửa chữa tài sản có trên đất; nhưng theo xác nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì trong quá trình ở, bà H3 có sửa chữa một phần mái tôn, tô trát tường... Do đó, để đảm bảo một phần quyền lợi cho bà H3, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà H3, chia thêm phần công sức đóng góp cho bà H3 đối với tài sản có trên đất là 10%; cụ thể: bà H3 được hưởng công sức đóng góp đối với di sản là tài sản gắn liền với đất là: 10% x 274.155.000 đồng = 27.415.500 đồng.

Ông Lê Văn P không có công sức đóng góp đối với di sản là thửa đất 405, tờ bản đồ số 43 và tài sản gắn liền với đất; do đó Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho ông P 10% giá trị của di sản này là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Xuân L, bà Lê Thị

Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C và sửa nội dung này của Tòa án cấp sơ thẩm.

Di sản còn lại là giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất 405, tờ bản đồ số 43 và phần tài sản còn lại của tài sản gắn liền với thửa đất được chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi người hưởng một kỷ phần bằng nhau; cụ thể: $[2.720.000.000 \text{ đồng} + (274.155.000 \text{ đồng} - 27.415.500 \text{ đồng})] : 9 \text{ phần} = 329.637.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Xuân L kháng cáo yêu cầu được nhận di sản thừa kế là thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43 và tài sản gắn liền với đất. Các thừa kế khác đều xác định không có khả năng tài chính để nhận hiện vật và thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc chia quyền sử dụng đất cho mỗi người thừa kế không đảm bảo đủ diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật nên giao toàn bộ di sản thừa kế này cho các đồng thừa kế đứng tên đồng sử dụng là không phù hợp. Bởi lẽ, hiện nay các thừa kế của cụ S, cụ T5 đang mâu thuẫn nhau, việc phân chia đồng sở hữu như Tòa án cấp sơ thẩm sẽ dẫn đến phát sinh tranh chấp về phân chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L giao di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43 và tài sản gắn liền với đất cho bà Lê Thị Xuân L và buộc bà L thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế còn lại; cụ thể:

+ Phải thanh toán cho thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C) số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1, Nguyễn Văn Minh T2 và ông Nguyễn Văn Minh D); tuy nhiên, ông D chồng bà Hòa đồng Ý giao lại cho các con; nên ông P có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và Nguyễn Văn Minh T2 tổng số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu H số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu T3 số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu T4 số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Hoài N số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho ông Lê Văn P số tiền 329.637.000 đồng;

+ Phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H3 số tiền 357.052.500 đồng.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Thu T3, bà Lê Thị Hoài N đồng ý nhường phần di sản của mình được hưởng chuyển qua cho bà Lê Thị Xuân H3 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, ông P và bà L không phải có trách nhiệm thanh toán cho bà N, bà T3; ông P, bà L phải có trách nhiệm thanh toán đối với phần giá trị di sản của bà T3, bà N đáng ra được hưởng cho người nhận là bà H3; cụ thể:

Ông P phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H3 tổng số tiền $(193.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ (suất của bà H3, bà T3, bà N)}) = 579.000.000 \text{ đồng}$;

Bà L phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H3 tổng số tiền 357.052.500 đồng (suất của bà H3) + 329.637.000 đồng x 2 (suất của bà N, bà T3) = 1.016.326.500 đồng.

[2.5] Sau khi khấu trừ nghĩa vụ thanh toán giá trị di sản thừa kế của ông P và bà L thì bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông P số tiền chênh lệch là: 329.637.000 đồng – 193.000.000 đồng = 136.637.000 đồng.

[2.6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Xuân L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43 cấp cho ông Lê Văn P:

Như đã phân tích ở trên, thửa đất 404, tờ bản đồ số 43 được chia cho ông Lê Văn P quản lý và sử dụng; ông P có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế còn lại của cụ S, cụ T5. Do vậy, không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn P đối với thửa đất 404. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Lê Thị Xuân L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M và ông Lê Chí C.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí định giá, thẩm định tại chỗ, sao lục hồ sơ và đo vẽ sơ đồ vị trí: Tổng chi phí tố tụng là 8.575.000 đồng. Do bà L đã nộp đủ nên mỗi suất thừa kế phải trả cho bà L số tiền 952.700 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Người thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C); người thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1, ông Nguyễn Văn Minh T2); bà Lê Thị Thu H; bà Lê Thị Thu T4 và bà B1 Lê Thị Xuân L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng (193.000.000 đồng + 329.637.000 đồng = 522.637.000 đồng); tương ứng mỗi suất thừa kế phải chịu số tiền án phí là: 24.905.480 đồng.

Ông Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng (193.000.000 đồng + 193.000.000 đồng + 329.637.000 đồng = 715.637.000 đồng); tương ứng số tiền án phí là: 32.625.480 đồng.

Bà Lê Thị Xuân H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng (579.000.000 đồng + 1.016.326.500 đồng = 1.595.326.500 đồng); tương ứng số tiền án phí là: 59.859.795 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng;

Bà Lê Thị Xuân L và bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C, bà Lê Thị Xuân H3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 và chấp nhận một phần kháng cáo của các ông (bà): Lê Thị Xuân L và bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C, bà Lê Thị Xuân H3.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cụ thể:

Áp dụng: Các Điều 609, 613, 618, 623, 651, 652, 660 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1660, quyền 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 chứng nhận ngày 28/4/2021 đối với diện tích đất 235m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Xuân L về việc tranh chấp di sản thừa kế đối với ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1.

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn S và cụ Nguyễn Thị T5 để lại gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 167m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C có giá trị 1.930.000.000 đồng; Quyền sử dụng đất có diện tích 272m², thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là: 2.994.155.000 đồng.

2.2. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn S và Nguyễn Thị T5 chết để lại theo pháp luật như sau:

2.2.1. Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 272m², thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C và tài sản gắn liền với thửa đất:

+ Giao cho bà Lê Thị Xuân L được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất có diện tích 272m², thuộc thửa đất số 405, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C và tài sản gắn liền với thửa đất bao gồm 01 căn nhà 01 tầng loại 3 và 01 mái che tôn.

+ Buộc bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán giá trị di sản được hưởng cho các thừa kế còn lại, cụ thể:

- Bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán cho thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C) tổng số tiền 329.637.000đ (Ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng);

- Bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán cho thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và Nguyễn Văn Minh T2) tổng số tiền 329.637.000đ (Ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng);

- Bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu H số tiền 329.637.000đ (Ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng);

- Bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu T4 số tiền 329.637.000đ (Ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng);

- Bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán cho ông Lê Văn P số tiền 136.637.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng);

- Bà Lê Thị Xuân L phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H3 số tiền 1.016.329.000đ (Một tỷ không trăm mười sáu triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng).

2.2.2. Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 167 m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C:

+ Giao cho ông Lê Văn P được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất có diện tích 167m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C.

+ Buộc ông Lê Văn P phải thanh toán giá trị di sản được hưởng cho các thừa kế còn lại, cụ thể:

- Ông Lê Văn P phải thanh toán cho thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C) tổng số tiền 193.000.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu đồng);

- Ông Lê Văn P phải thanh toán cho thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và ông Nguyễn Văn Minh T2) tổng số tiền 193.000.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu đồng);

- Ông Lê Văn P phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu H số tiền 193.000.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu đồng);

- Ông Lê Văn P phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu T4 số tiền 193.000.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu đồng);

- Ông Lê Văn P phải thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H3 số tiền 579.000.000đ (Năm trăm bảy mươi chín triệu đồng).

3. Ông Lê Văn P, bà Lê Thị Xuân L được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký biến động sang tên quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với thửa đất được phân chia ở trên theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 977080 do UBND huyện C cấp ngày 05/11/2015 cho ông Lê Văn P với diện tích 167 m², thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 43, tại xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Về chi phí tố tụng:

Mỗi suất thừa kế gồm: Thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C); thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1 và ông Nguyễn Văn Minh T2); bà Lê Thị Thu H; bà Lê Thị Thu T4; ông Lê Văn P phải trả lại cho bà Lê Thị Xuân L số tiền 952.700đ (Chín trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm đồng).

Bà Lê Thị Xuân H3 phải trả lại cho bà Lê Thị Xuân L số tiền 2.858.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng).

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Mỗi suất thừa kế gồm: Thừa kế của ông Lê Văn C1 (gồm bà Võ Thị Thanh M, anh Lê Chí C); thừa kế của bà Lê Thị Kim H4 (gồm bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn Minh H1, Nguyễn Văn Minh T2); bà Lê Thị Thu H và bà Lê Thị Thu T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.905.480đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm linh năm ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Bà Lê Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.905.480đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm linh năm ngàn bốn trăm tám mươi đồng); được khấu trừ vào số tiền 5.556.000 đồng và 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tiền án phí lệ phí số 0005950 ngày 16/01/2019 và số 0000928 ngày 14/3/2023, nên còn phải nộp 19.049.480đ (Mười chín triệu không trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Ông Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 32.625.480đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Bà Lê Thị Xuân H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 59.859.795đ (Năm mươi chín triệu tám trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001996 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức; ông P, bà L1 đã nộp xong.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Lê Thị Xuân L theo biên lai thu tiền số 0001992 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T4, bà Võ Thị Thanh M, ông Lê Chí C theo biên lai thu tiền số 0001993 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Lê Thị Xuân H3 theo biên lai thu tiền số 0001999 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/12/2024).

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo là Mạnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác nhận ngày 28/12/2023)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Châu Đức;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long